TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2020/DS-ST
Ngày: 29-4-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thuận

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 199/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành Tr,** sinh năm 1957 và bà **Huỳnh Thị Ch**, sinh năm 1965, cùng trú tại: Tổ 05, thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Nam. Ông Tr có mặt, bà Ch vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Trung K,** sinh năm 1976 và bà **Võ Thị H**, sinh năm 1986, cùng trú tại: Số nhà K77/58 đường D, phường E, quận G, thành phố Đà Nẵng. Ông K, bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 27 tháng 11 năm 2019; bản tự khai của ông Nguyễn Thành Tr ngày 25 tháng 02 năm 2020 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Thành Tr và bà Huỳnh Thị Ch trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Trung K, bà Võ Thị H có ký giấy nợ với ông Nguyễn Thành Tr, bà Huỳnh Thị Ch có nội dung mượn tiền cụ thể: Ngày 05/4/2016, ông K bà H mượn ông Tr bà Ch số tiền 30.000.000đ, ngày 19/5/2016 ông K bà H mượn ông Tr bà Ch số tiền 10.000.000đ, tổng cộng là 40.000.000đ.

Trong quá trình vay nợ, đến khoảng ngày 05/6/2018 thì có ông S là chủ đại lý bán vé số đã trả giùm ông K bà H số tiền nợ gốc là 6.000.000đ. Vào ngày

01/6/2019 bà H có trả cho ông Tr bà Ch số tiền 4.000.000đ, tuy nhiên số tiền này là số tiền lãi ngoài, không liên quan đến tiền gốc.

Nay ông Tr bà Ch yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K bà H phải trả cho ông Tr bà Ch số tiền 34.000.000đ.

***Đối với bị đơn ông Nguyễn Trung K, bà Võ Thị H*:** Ngày 06/01/2020, bà Võ Thị H có đơn trình bày gửi đến Tòa án, nội dung thừa nhận vợ chồng ông K bà H có mượn ông Tr bà Ch số tiền 40.000.000đ vào ngày 05/4/2016 và ngày 19/5/2016, đến khoảng ngày 05/6/2018 thì có ông S là chủ đại lý bán vé số đã trả giùm ông K bà H số tiền nợ gốc là 6.000.000đ; ngày 01/6/2019 bà H có trả cho ông Tr bà Ch số tiền nợ gốc 4.000.000đ, nên số tiền nợ gốc ông K bà H còn nợ ông Tr, bà Ch là 30.000.000đ.

Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Trung K, bà Võ Thị H vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập lệ nhiều lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Thành Tr, bà Huỳnh Thị Ch yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Trung K, bà Võ Thị H phải trả cho ông Tr bà Ch số tiền 34.000.000đ là số tiền ông K, bà H ký giấy mượn của ông Tr, bà Ch vào ngày 05/4/2016 và ngày 19/5/2016. Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay là lần thứ hai bị đơn ông Nguyễn Trung K, bà Võ Thị H vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét về nội dung khởi kiện:

Vào ngày 05/4/2016 và ngày 19/5/2016, ông Nguyễn Trung K, bà Võ Thị H có ký giấy nợ với ông Nguyễn Thành Tr, bà Huỳnh Thị Ch có nội dung ông K bà H mượn ông Tr, bà Ch số tiền lần lượt là 30.000.000đ, 10.000.000đ, tổng cộng là 40.000.000đ, thỏa thuận khi nào ông Tr, bà Ch cần tiền, báo trước 01 tuần thì ông K, bà H sẽ trả, ngoài ra không thỏa thuận lãi suất. Xét thấy việc giao kết Hợp đồng nói trên là đúng về chủ thể, nội dung Hợp đồng phù hợp với Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Sau khi vay nợ, đến khoảng ngày 05/6/2018 thì có ông S là chủ đại lý bán vé số đã trả giùm ông K bà H số tiền nợ gốc là 6.000.000đ. Xét thấy: các bên đương sự đã thừa nhận việc này, do đó có căn cứ xác định ông K, bà H đã trả cho ông Tr, bà Ch số tiền nợ gốc là 6.000.000đ này.

Đối với ý kiến của bà H cho rằng ngày 01/6/2019 có trả cho ông Tr bà Ch số tiền nợ gốc 4.000.000đ, nên số tiền nợ gốc còn lại là 30.000.000đ, tuy nhiên ông Tr bà Ch khai rằng số tiền 4.000.000đ này là số tiền lãi ngoài, chứ không phải là số tiền gốc. Xét thấy: Theo Giấy vay nợ ngày 05/4/2016 và ngày 19/5/2016, các bên không có thỏa thuận lãi suất, ngoài quan hệ vay mượn trong vụ án này thì các bên

đương sự không có quan hệ vay mượn nào khác, do đó số tiền 4.000.000đ này là số tiền bà H trả vào số nợ gốc. Vậy số tiền nợ gốc còn lại bị đơn còn nợ nguyên đơn là 30.000.000đ.

Ông Tr bà Ch đã nhiều lần yêu cầu ông K bà H trả nợ nhưng ông K bà H không trả. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Ông K, bà H phải chịu 1.500.000 đồng (30.000.000đ x5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Tr, bà Ch phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (đối với yêu cầu khởi kiện không được Hội đồng xét xử chấp nhận), chia phần mỗi người chịu 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Do ông Tr là người cao tuổi nên được miễn án phí, còn bà Ch phải chịu 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo biên lai thu số 0001547 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; ông Tr, bà Ch được hoàn trả số tiền 850.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Tr, bà Huỳnh Thị Ch đối với bị đơn ông Nguyễn Trung K, bà Võ Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Trung K, bà Võ Thị H phải trả cho ông Nguyễn Thành Tr, bà Huỳnh Thị Ch số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Trung K, bà Võ Thị H phải chịu 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ch phải chịu 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo biên lai thu số

0001547 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Ông Tr, bà Ch được hoàn trả số tiền 850.000đ.

3. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Ngọc Hưng